TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218**/2026/DS-ST
Ngày: 31/3/2026
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi

2. Bà Nguyễn Thị Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Thông báo dời phiên tòa số 103/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp BH, xã PT, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã VB, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: - Anh Lê Văn L, sinh năm 1981. (có mặt)

- Chị Ngô Thị Trúc L1, sinh năm 1985. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố LB, phường BX, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thu H và đại diện ủy quyền của chị H là chị Trần Thị Kim P trình bày:***

Chị H với vợ chồng anh L, chị L1 có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 11/11/2025, vợ chồng anh L, chị L1 có vay của chị H số tiền 60.000.000 đồng để xoay sở công việc làm kinh tế gia đình, trồng hoa màu cho dịp tết, không lãi suất, thời hạn vay là 12 tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và được công chứng số 1811/2025/CCGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T. Đến kỳ hạn trả tiền vào tháng 12/2025 thì vợ chồng anh L, chị L1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Chị H nhắc nhở nhiều lần nhưng anh L, chị L1 chỉ hứa hẹn, không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H nên chị H không còn tin tưởng vào sự hứa hẹn của vợ chồng anh L. Do đó chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền nợ 60.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, tính từ ngày 10/12/2025 cho đến khi hoàn tất, không tính lãi; nếu anh L và chị L1 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì chị H được quyền tất toán toàn bộ số tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, phía chị H xác định do anh L và chị L1 vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả mỗi tháng 5.000.000 đồng tính đến tháng 3/2026 là 04 tháng nên chị H yêu cầu anh L, chị L1 thanh toán số tiền nợ 04 kỳ tổng cộng là 20.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; đối với số tiền nợ còn lại là 40.000.000 đồng thì chị H đồng ý cho anh L, chị L1 liên đới trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời hạn trả tính từ ngày 10/4/2026 cho đến khi hoàn tất, nếu anh L, chị L1 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì chị H được quyền tất toán toàn bộ số nợ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của chị H là chị P có nhận của anh L trả trước số tiền 2.500.000 đồng và yêu cầu anh L, chị L1 có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả số tiền 7.500.000 đồng vào ngày 10/5/2026; đối với số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng thì chị H đồng ý cho anh L và chị L1 trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ ngày 10/5/2026, không yêu cầu tính lãi, nếu anh L và chị L1 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì chị H được quyền yêu cầu thi hành án tất toán toàn bộ số nợ còn lại dù chưa đến hạn.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:***

Năm 2024, anh có vay chị H 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, mỗi lần vay 15.000.000 đồng nhưng anh không nhớ ngày tháng. Hai lần vay anh có ký nhận nợ vào quyển sổ của chị H và nói với chị H mục đích vay là để trồng hoa màu. Lãi suất 02 lần vay là 10%/tháng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả gốc. Khoảng vài tháng sau, anh nợ tiền lãi là 5.000.000 đồng nên chị H cộng số nợ lãi này vào nợ gốc nên tổng số tiền nợ là 35.000.000 đồng. Sau đó, do phải nằm viện điều trị bệnh nên anh ngưng trả lãi và không có khả năng trả nợ gốc. Đến ngày 11/11/2025, anh có đến xin chị H cho trả dần nợ thì chị H cộng thêm số tiền nợ lãi là 25.000.000 đồng vào nợ gốc nên tổng số tiền nợ lên đến 60.000.000 đồng; khi đó chị H cho anh trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và hai bên có đến Văn phòng công chứng ký tên. Tuy nhiên, sau đó do kinh tế gia đình khó khăn nên anh không có tiền trả nợ cho chị H theo đúng thỏa thuận. Anh có đem tiền trả cho chị H nhưng không đủ 5.000.000 đồng nên chị H

không chịu nhận. Anh xác định số nợ này là nợ riêng của anh do anh tự thuê đất trồng hoa màu và bị lỗ, vợ anh đã ngăn không cho anh trồng nhưng anh vẫn làm nên anh xin nhận trả số nợ này, vợ anh không liên quan.

Tại phiên tòa, anh xin trả trước cho chị H số tiền 2.500.000 đồng, đến ngày 10/4/2026 anh sẽ trả thêm 7.500.000 đồng; đối với số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng thì anh đồng ý trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ ngày 10/5/2026.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngô Thị Trúc L1 trình bày:*** Chị không biết chị H cho chồng chị vay bao nhiêu tiền và bao nhiêu lần. Chị không biết số tiền này nên chị phản đối số tiền anh L đã vay là nợ chung.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 463, 466 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Ngô Thị Trúc L1 xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Nguyên đơn cho rằng ngày 11/11/2025 vợ chồng anh L, chị L1 có vay chị số tiền 60.000.000 đồng, kỳ hạn vay 12 tháng, không tính lãi, thỏa thuận trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 1811/2025/CCGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T. Bị đơn anh L thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền nêu trên nhưng cho rằng khoản tiền này được cộng dồn từ các khoản vay trước đó gồm tiền gốc 02 lần vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn chỉ vi phạm nghĩa vụ trả nợ 04 kỳ với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh L đưa trả trước cho chị H số tiền 2.500.000 đồng và đồng ý trả cho chị H số tiền nợ còn lại là

57.500.000 đồng, cụ thể: Vào ngày 10/4/2026 sẽ trả tiếp 10.000.000 đồng, đối với số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng thì anh L đồng ý trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ ngày 10/5/202, nếu anh L và chị L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì chị H được quyền yêu cầu thi hành án buộc anh L và chị L1 thanh toán toàn bộ số nợ còn lại dù chưa đến hạn; đồng thời phía nguyên đơn cũng thống nhất với phương thức trả nợ này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Việc anh L cho rằng đây là nợ riêng của anh; dù vợ anh là chị L1 không ký tên trong hợp đồng vay tiền và xác định không biết anh L đã vay số tiền này nên không đồng ý khoản nợ này là nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, khoản vay này được anh L xác lập trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay mà anh L đã nói với chị H khi vay tiền là để trồng hoa màu; tại phiên tòa, anh L cũng thừa nhận thu nhập từ việc trồng hoa màu cũng được sử dụng chi tiêu trong gia đình nếu có lời nên nghĩa vụ trả khoản vay này được xác định là nghĩa vụ chung của vợ chồng anh. Do đó, anh L và chị L1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H theo khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tại phiên tòa, chị L1 vắng mặt, tuy nhiên phương thức thanh toán nợ được anh L và chị H thỏa thuận như nêu trên là có lợi cho chị L1 trong trường hợp Tòa án xác định nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho chị H là nghĩa vụ chung vợ chồng anh L và chị L1.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

- Về tiền lãi: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.875.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, hiện bị đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (có đơn được UBND phường BX, tỉnh Đồng Tháp xác nhận) nên được miễn nộp 1/2 án phí là 1.437.500 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Các Điều 280, 463, 466 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu H.

Buộc anh Lê Văn L và chị Ngô Thị Trúc L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trương Thị Thu H số tiền nợ vay là 57.500.000 (Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, với phương thức trả như sau:

- Ngày 10/4/2026 trả 7.500.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng: Mỗi tháng trả 3.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch, bắt đầu trả từ ngày 10/5/2026 cho đến khi hết nợ.

Nếu anh L và chị L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì chị H được quyền yêu cầu thi hành án buộc anh L và chị L1 thanh toán toàn bộ số nợ còn lại dù chưa đến hạn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh L và chị L1 phải liên đới nộp 1.437.500 đồng.

- Hoàn lại chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000646 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV.2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thiền